

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1443/2025/DS-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Bà Trần Thị Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 334/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1840/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2769/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T; Địa chỉ trụ sở: Số 57, phố Lý Thường K, phường Trần Hưng Đ, quận Hoàn K, nay là phường Cửa N, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc Q; Địa chỉ: Số A đường Hậu G, nay là phường Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2025. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Mai Chí C; Địa chỉ: Số F đường Huỳnh Văn N, nay là phường An Hội T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T có người đại diện hợp pháp ông Phạm Ngọc Q trình bày:

Ông Mai Chí C có vay vốn tại Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi tắt là T) theo các hợp đồng tín dụng sau:

Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 386/2021/Q3/01 ngày 21/11/2021 và xác nhận của T về cấp tín dụng ngày 22/11/2021 (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng):

Số tiền vay: 2.032.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ không trăm ba mươi hai triệu đồng);

Thời hạn vay: 96 tháng;

Mục đích vay vốn: Cho vay mua xe ô tô;

Lãi suất linh hoạt trong hạn như sau: Lãi suất áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân 8,5%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian còn lại trong thời hạn vay vốn: bằng Lãi suất cơ sở 3 tháng khách hàng cá nhân của T tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm; Kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần;

Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn;

Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hợp đồng cho vay số 386/2021/Q3/02 ngày 29/11/2021 (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng):

Số tiền vay: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng);

Thời hạn vay: 96 tháng;

Mục đích vay vốn: Vay thanh toán phí bảo hiểm an tâm tín dụng;

Lãi suất linh hoạt trong hạn như sau: Lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 8,5%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày trả nợ cuối cùng: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất cơ sở 3 tháng khách hàng cá nhân của T tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần

Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn

Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hợp đồng cho vay số 386/2021/Q3/03 ngày 29/11/2021 (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng):

Số tiền vay: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng);

Thời hạn vay: 96 tháng;

Mục đích vay vốn: Vay thanh toán phí bảo hiểm nhân thọ SunLife;

Lãi suất linh hoạt trong hạn như sau: Lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 8,5%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày trả nợ cuối cùng: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân của T tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm.

Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn.

Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô Nhãn hiệu LEXUS ES250, màu xanh, số khung JTHB11B1702039513, số máy 0914212A25A, biển kiểm soát 51K-036.12, theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 50075139 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2021, theo hợp đồng số 386/2021/Q3/01 ngày 22/11/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Mai Chí C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với T kể từ ngày 27/11/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng. Tạm tính đến ngày 30/09/2025, ông C còn nợ T số tiền là:

Hợp đồng số 386/2021/Q3/03: Nợ gốc 15.000.008 đồng, nợ lãi 2.945.492 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả 967.000 đồng;

Hợp đồng số 386/2021/Q3/02: Nợ gốc 15.000.008 đồng, nợ lãi 2.745.903 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả 967.000 đồng;

Hợp đồng số 386/2021/Q3/01: Nợ gốc 1.534.705.572 đồng, nợ lãi 299.261.697 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả 105.550.208 đồng;

Tổng cộng 1.977.142.888 đồng, bao gồm: Nợ gốc 1.564.705.588 đồng, nợ lãi 304.953.092 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả 107.484.208 đồng.

Nguyên đơn nhiều lần nhắc ông C thanh toán nhưng ông C không thực hiện.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Mai Chí C phải thanh toán cho T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả theo các hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày 30/09/2025 là 1.977.142.888 đồng.

Tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng từ ngày 01/10/2025 cho đến ngày ông C thanh toán hết nợ cho T.

Trường hợp ông Mai Chí C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cho kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, cụ thể là: 01 xe ô tô Nhãn hiệu LEXUS ES250, màu xanh, số khung JTHB11B1702039513, số máy 0914212A25A, biển kiểm soát 51K-036.12, theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 50075139 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2021, theo hợp đồng số 386/2021/Q3/01 ngày 22/11/2021.

Toà án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn là ông C nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do.

Do ông C vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Quý giữ các yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T khởi kiện ông C phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Ông C có đăng ký thường trú tại địa chỉ Số F đường Huỳnh Văn N, nay là phường An Hội T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, nay là Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp của người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật tổ chức hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Tòa án nhân dân quận G, nay là Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ

lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với ông C theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông C vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Trong vụ án này, bị đơn ông C vắng mặt, không đến tòa, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, coi như đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết.

[2.2] Ngân hàng yêu cầu ông C thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 1.977.142.888 đồng, bao gồm: Nợ gốc 1.564.705.588 đồng, nợ lãi 304.953.092 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả 107.484.208 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 386/2021/Q3/01 ngày 21/11/2021 kèm Điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô số 054/2021/SP.TPB.RB ngày hiệu lực 21/10/2021, Hợp đồng cho vay số 386/2021/Q3/02 ngày 29/11/2021, Hợp đồng cho vay số 386/2021/Q3/03 ngày 29/11/2021 kèm Điều kiện điều khoản chung về cho vay số hiệu 774/2018/QĐ.TPB.RB ngày hiệu lực 21/8/2018 được ký giữa T với ông C; cùng lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã cấp tín dụng cho ông C số tiền 2.072.000.000 đồng (2.032.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 20.000.000 đồng), mục đích vay mua xe ô tô, thanh toán phí bảo hiểm, lãi suất 8,5%/năm, ưu đãi trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở 3 tháng khách hàng cá nhân cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã thanh toán tiền gốc là 507.294.412 đồng nên số nợ gốc còn lại là 1.564.705.588 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 *“1. Bên vay tiền thì phải trả đủ tiền đủ tiền khi đến*

hạn;” và tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*” đối chiếu tại mục 3.1.1 khoản 3.1, điểm b khoản 3.2, khoản 3.3 Điều 3 của Điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô số 054/2021/SP.TPB.RB ngày hiệu lực 21/10/2021 và khoản 2.6 Điều 2 của Điều kiện điều khoản chung về cho vay số hiệu 774/2018/QĐ.TPB.RB ngày hiệu lực 21/8/2018 có thỏa thuận ngân hàng được quyền thu hồi nợ trước hạn và nguyên đơn đã ra Thông báo số 3120/2023/TB-TPB.DR ngày 05/9/2023 gửi cho ông C. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc 1.564.705.588 đồng trước hạn là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 “*5. Trường hợp vay có lãi khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi...*” và tại khoản 1, 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 “*1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng*”

“*2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, mức phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 27/11/2023, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp, lãi chậm trả 10%/năm trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2025, tiền nợ lãi trong hạn 304.953.092 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả 107.484.208 đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông C phải thanh toán số nợ gốc 1.564.705.588 đồng, nợ lãi trong hạn 304.953.092 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả 107.484.208 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ông C còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 theo mức lãi suất được thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[2.4] Nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp ông C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản thế chấp; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 386/2021/Q3/01 ngày 21/11/2021, tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô Nhãn hiệu LEXUS ES250, màu xanh, số khung JTHB11B1702039513, số máy 0914212A25A, biển kiểm soát 51K-036.12, theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 50075139 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2021, tên chủ xe Mai Chí C.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2025: Tại địa chỉ số F đường Huỳnh Văn N, nay là phường An Hội T, Thành phố Hồ Chí Minh không thấy chiếc xe ô tô nhãn hiệu LEXUS ES250, biển số 51K-036.12 lưu tại đây.

Như vậy, trường hợp ông C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản thế chấp nêu trên là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Tài sản thế chấp cụ thể là: 01 xe ô tô Nhãn hiệu LEXUS ES250, màu xanh, số khung JTHB11B1702039513, số máy 0914212A25A, biển kiểm soát 51K-036.12, theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 50075139 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2021, tên chủ xe Mai Chí C.

[2.5] Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ trên thì ông C có trách nhiệm tiếp tục thanh toán hết số tiền nợ còn lại.

[2.6] Trường hợp ông C trả hết nợ thì nguyên đơn phải trả lại cho ông C bản chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50075139 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2021.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 71.314.287 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 33.938.319 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật

tư pháp của người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật tổ chức hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025;

Khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Mai Chí C chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP T các khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2025 là 1.977.142.888 đồng, bao gồm: Nợ gốc 1.564.705.588 đồng, nợ lãi trong hạn 304.953.092 đồng, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả 107.484.208 đồng; ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 386/2021/Q3/01 ngày 21/11/2021; Hợp đồng cho vay số 386/2021/Q3/02 ngày 29/11/2021; Hợp đồng cho vay số 386/2021/Q3/02 ngày 29/11/2021.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Mai Chí C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Trường hợp ông Mai Chí C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu LEXUS ES250, màu xanh, số khung JTHB11B1702039513, số máy 0914212A25A, biển kiểm soát 51K-036.12, theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 50075139 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2021, tên chủ xe Mai Chí C theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 386/2021/Q3/01 ngày 21/11/2021.

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì ông Mai Chí C còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

Trường hợp ông Mai Chí C trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP T có trách nhiệm trả lại cho ông Mai Chí C bản chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số

50075139 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2021.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu, không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Mai Chí C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 71.314.287 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.938.319 đồng theo Biên lai thu số 0057524 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực A – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Cúc

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Cúc

